

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2020/DS-PT

Ngày 11-9-2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán và hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Duy Lâm;

2. Bà Trần Thị Kim Sang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Đại Triều, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán và hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2020/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2020, của Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 189/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2020 và Thông báo thay đổi ngày xét xử số: 04 ngày 03 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị L, sinh năm 1970; cư trú tại: Số 17 đường C, khu phố 3, phường 1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bà Trương Thị L: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1985; cư trú tại: Số 192/4B, khu phố N, phường S, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 07-7-2020); có mặt.

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn tinh bột sắn D; địa chỉ: khu phố 4, thị trấn D, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn tinh bột sắn D:
Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; cư trú tại: khu phố 1, phường X, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 14-7-2020); có mặt.

Người kháng cáo: Bà Trần Thị T là người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn tinh bột sắn D, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04-10-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên bà Trương Thị L và người đại diện hợp pháp của bà L trình bày: Do thường xuyên mua bán xác mì với Công ty trách nhiệm hữu hạn tinh bột sắn D (viết Công ty), nên bà L quen biết với bà Trần Thị Th, bà Trần Thị T và ông Nguyễn Thanh L (chồng bà Th). Với tư cách là người đại diện Công ty, bà T, bà Th, ông L nhiều lần vay tiền của bà L để bổ sung vốn hoạt động của Công ty, cụ thể:

- Ngày 20-8-2019, đại diện Công ty gồm bà T, bà Th và ông L ký “Giấy mượn tiền” vay của bà L 34.200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/ tháng. Cùng trong “Giấy mượn tiền” này bà T, bà Th và ông L có ứng tiền mua xác mì của bà L 3.000.000.000 đồng; tạm ứng của bà L 1.000.000.000 đồng ngày 31-5-2019 để nộp thuế VAT; tạm ứng tiền mua xác mì của bà L cuối tháng 7-2019 là 3.173.905.762 đồng.

- Ngày 21-8-2019, bà Th và ông L đại diện Công ty ký “Giấy nhận nợ” xác định ngày 21-8-2019 có vay của bà L 1.660.000.000 đồng; “Giấy nhận nợ” này có bà T ký nhận.

- Ngày 24-8-2019, bà Th và ông L đại diện Công ty ký “Giấy nhận nợ” xác định ngày 24-8-2019 có vay của bà L 1.100.000.000 đồng; “Giấy nhận nợ” này có bà T ký nhận.

- Ngày 30-8-2019, bà T, bà Th và ông L ký “Giấy mượn tiền” vay của bà L 2.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Tất cả các lần vay tiền giữa Công ty và bà L đều thỏa thuận lãi suất 2%/ tháng tính từ ngày vay.

Tổng số tiền Công ty nợ bà L 46.133.905.762 đồng, trong đó tiền vay là 39.960.000.000 đồng; tiền ứng mua xác mì là 6.173.905.762 đồng, từ khi vay đến

nay Công ty không trả tiền lãi cho bà L. Bà L khởi kiện yêu cầu Công ty trả số tiền 46.133.905.762 đồng và tiền lãi theo quy định từ ngày 30-9-2019; tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 04-10-2019 đến khi xét xử.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, ngày 10-7-2020 bà L có văn bản rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với “Giấy nhận nợ” ngày 21-8-2019 và “Giấy nhận nợ” ngày 24-8-2019, số tiền tổng cộng 2.760.000.000 đồng.

Bị đơn, Công ty trách nhiệm hữu hạn tinh bột sắn D, người đại diện theo pháp luật bà Trần Thị T trình bày (BL số 21): Bà T thừa nhận Công ty có vay của bà L các khoản nợ theo “Giấy nhận nợ” ngày 21-8-2019 số tiền 1.660.000.000 đồng; “Giấy nhận nợ” ngày 24-8-2019 số tiền 1.100.000.000 đồng và “Giấy mượn tiền” ngày 30-8-2019 số tiền 2.000.000.000 đồng.

Đối với “Giấy mượn tiền” ngày 20-8-2019 số tiền nợ 34.200.000.000 đồng là số tiền nợ phát sinh từ năm 2016 đến ngày 20-8-2019 bao gồm: Tiền vay; tiền lãi; tiền bã mì sấy, bã mì tươi của Công ty khấu trừ; tiền Công ty mua vỏ xe của con bà L, không phải ngày 20-8-2019 Công ty vay số tiền mặt trên. Công ty đã nộp bảng kê cho Tòa án thể hiện tiền lãi bà L tính để trừ lấy bã mì của Công ty số tiền 23.695.488.000 đồng, lãi suất như thế nào Công ty sẽ cung cấp cho Tòa án; cùng trong “Giấy mượn tiền” ngày 20-8-2019 Công ty có vay của bà L số tiền 1.000.000.000 đồng để nộp thuế; đối với số tiền 3.000.000.000 đồng Công ty không ứng mua xác mì của bà L; số tiền 3.173.905.762 đồng là số tiền đối chiếu công nợ của tháng 6, 7, 8-2019, trong đó có tiền lãi, cụ thể tiền lãi bao nhiêu Công ty cung cấp sau. Công ty không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà L.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty anh Nguyễn Mạnh Hoàng S trình bày (BL số 73): Từ năm 2015, Công ty có quan hệ mua bán xác mì với bà Trương Thị L, hiện nay Công ty đang tổng hợp công nợ giữa hai bên để thống nhất các số liệu giao dịch trong việc mua bán xác mì. Công ty sẽ cung cấp số liệu và có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà L sau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2020/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2020, của Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 357, 430, 440, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số:

01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị L đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn tinh bột sắn D về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán và hợp đồng vay tài sản”.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn tinh bột sắn D có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị L số tiền 48.929.159.112 đồng (bốn mươi tám tỷ, chín trăm hai mươi chín triệu, một trăm năm mươi chín nghìn, một trăm mười hai đồng), trong đó tiền nợ gốc là 46.133.905.762 đồng và tiền lãi là 2.795.253.350 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 01-6-2020, người đại diện theo pháp luật của Công ty bà Trần Thị T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm với lý do:

- Khi đưa vụ án ra giải quyết thiếu người tham gia tố tụng là ông L, bà Th và cá nhân bà T;

- Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là không đúng pháp luật, vì bà L gặp trực tiếp bị đơn trình bày không phải ra tòa, nhưng lại ủy quyền cho người khác để nhằm xét xử vắng mặt, để bị đơn không thể trình bày được ý kiến của mình.

- Công ty không còn nợ số tiền như nguyên đơn khai; số tiền 02 bên làm ăn cần tính toán lại, không phải như bà L trình bày; Công ty chuyển tiền và bán hàng cho bà L nhiều lần với số tiền lớn hơn số tiền mà nguyên đơn khởi kiện, nên phải được đối chiếu, do đó yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại từ đầu hình thành số nợ này và yêu cầu đối chất, đối chiếu việc mua bán giữa 02 bên.

Ông Phạm Văn T là người đại diện hợp pháp của bà L yêu cầu Công ty trả cho bà L số tiền nợ 43.373.905.762 đồng và tính tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 04-10-2019; bà L đồng ý rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Công ty số tiền 2.760.000.000 đồng theo 02 giấy nợ ngày 21-8-2019 và ngày 24-8-2019.

Ông Nguyễn Văn T là người đại diện hợp pháp của Công ty cho rằng, trong quá trình giao dịch vay tiền và mua bán bã mì giữa Công ty với bà L, Công ty có vay tiền của bà L hơn 90 tỷ đồng, sau đó Công ty trả bằng tiền mặt cho bà L hơn

12 tỷ đồng, còn nợ lại hơn 77 tỷ đồng, nhưng sau đó Công ty xuất bán bã mì cho bà L số tiền hơn 96 tỷ đồng, theo tính toán của Công ty thì bà L còn nợ lại hơn 18 tỷ đồng; Việc bà T ký nhận 04 giấy nợ do bà L yêu cầu, nhưng theo sổ sách kế toán thể hiện từ khi bà L cho vay tiền và mua bã mì của Công ty hai bên chưa đối chiếu, quyết toán với nhau. Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ không đầy đủ, do đó đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Bà L cung cấp 04 giấy nợ do bà T đại diện Công ty ký vay của bà L số tiền hơn 46 tỷ đồng; trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 2.760.000.000 đồng; bà T đại diện Công ty kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới, nên không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử buộc Công ty trả cho bà L số nợ gốc 43.373.905.762 đồng, tính lại lãi suất, án phí và đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện bà L đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét thấy, bà T đại diện theo pháp luật của Công ty kháng cáo yêu cầu Tòa án xem xét lại bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của Công ty đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm là vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, đăng ký thay đổi lần thứ 12, ngày 08-01-2018 do bà Trần Thị Th là người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn tinh bột sản D (viết Công ty), đến ngày 20-8-2019 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

của Công ty thay đổi lần thứ 13 do bà Trần Thị T là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Do cần số tiền nhất định để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, bà Trần Thị T ký giấy vay tiền và xác nhận các khoản nợ Công ty đã ứng còn nợ bà L theo giấy nợ ngày 20-8-2019 như sau: Bà Trần Thị T, bà Trần Thị Th và ông Nguyễn Văn L ký “Giấy mượn tiền” để vay của bà L 34.200.000.000 đồng; đồng thời xác nhận có tạm ứng tiền mua xác mìn của bà L 3.000.000.000 đồng; xác nhận có tạm ứng của bà L 1.000.000.000 đồng để nộp thuế VAT; tạm ứng mua xác mìn của bà L vào cuối tháng 7-2019 số tiền 3.173.905.762 đồng để nhà máy hoạt động giao xác mìn cho bà L. Ngày 30-8-2019, bà T, bà Th và ông L tiếp tục ký “Giấy mượn tiền” vay của bà L 2.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Đối với “Giấy nhận nợ” ngày 21-8-2019, bà Th và ông L ký vay của bà L số tiền 1.660.000.000 đồng và ngày 24-8-2019, bà Th và ông L tiếp tục ký vay của bà L số tiền 1.100.000.000 đồng, trong hai lần vay tiền này bà Th, ông L đại diện Công ty ký vay của bà L đều có bà T ký tên.

[3] Khi bà L khởi kiện yêu cầu Công ty trả nợ, ngày 07-11-2019 bà Th, ông L ủy quyền cho anh Nguyễn Mạnh Hoàng S đại diện tham gia giải quyết, văn bản ủy quyền được công chứng tại Văn phòng Công chứng Văn Thị Mỹ Đức số 47E, đường Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Th, ông L vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (không đưa vào trong bản án) là vi phạm tố tụng, nhưng trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án tại cấp phúc thẩm, bà Th, ông L khai: Tất cả các khoản nợ theo 04 giấy nợ bà L cung cấp để khởi kiện là nợ của Công ty, khi bà L cho Công ty vay tiền có mặt ông, bà nên bà L yêu cầu ông, bà cùng ký tên vào giấy nợ; ngày 10-7-2020 bà L có văn bản rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với Công ty số tiền 2.760.000.000 đồng theo 02 giấy nợ ngày 21-8-2019 và ngày 24-8-2019 liên quan đến bà Th, ông L, bà L chỉ yêu cầu Công ty trả số tiền nợ 43.373.905.762 đồng theo 02 giấy nợ ngày 20-8-2019 và ngày 30-8-2019 do bà T đại diện Công ty ký vay. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà L yêu cầu Công ty trả số tiền nợ 43.373.905.762 đồng, mà không yêu cầu một cá nhân nào cùng trả nợ liên quan đến tài sản cá nhân của họ. Xét thấy bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, đại diện bị đơn không

có ý kiến phản đối, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ phần rút yêu cầu khởi kiện của bà L đối với Công ty số tiền 2.760.000.000 đồng.

[4] Quá trình giải quyết vụ án này tại Tòa án cấp sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Công ty được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án để cung cấp chứng cứ theo quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ của Tòa án; không tham dự phiên tòa. Tại cấp phúc thẩm, đại diện Công ty cung cấp cho Tòa án hơn 5.000 bút lục là các phiếu cân xuất hàng từ tháng 01-2016 đến tháng 9-2019, nhưng các phiếu cân xuất hàng không thể hiện Công ty xuất bán hàng hóa gì và xuất bán cho ai. Tại các bảng kê chứng từ Công ty cung cấp ngày 30-6-2020 và ngày 18-8-2020 có sự mâu thuẫn nhau, cụ thể: Theo bảng kê cung cấp ngày 30-6-2020 số tiền bà L giao cho Công ty 90.270.609.675 đồng; số tiền Công ty đã trả 12.748.336.000 đồng; số tiền Công ty còn nợ 77.522.273.675 đồng, nhưng Công ty xuất bán bã mì tương ứng số tiền 84.719.002.799 đồng, nên bà L còn nợ lại Công ty 7.196.729.124 đồng; theo bảng kê cung cấp ngày 18-8-2020 Công ty xuất bán bã mì tương ứng số tiền 96.015.673.357 đồng, nên bà L còn nợ lại Công ty 18.493.399.682 đồng. Đây là bảng tự kê đối với số tiền Công ty nợ bà L, số tiền Công ty đã trả và số tiền bà L còn nợ lại Công ty, nhưng không cung cấp được chứng cứ có căn cứ pháp lý để chứng minh, không có sự đối chiếu, xác nhận của bà L và bà L cũng không thừa nhận các chứng từ Công ty đã cung cấp. Nếu cho rằng bà L còn nợ Công ty số tiền 18.493.399.682 đồng, nhưng vì sao Công ty không yêu cầu bà L trả nợ, mà bà T lại ký giấy vay tiền và xác nhận các khoản nợ của Công ty còn nợ bà L theo giấy nợ ngày 20-8-2019 và ngày 30-8-2019 số tiền tổng cộng 43.373.905.762 đồng.

[5] Khi vay tiền của bà L, bà T là Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm giám đốc Công ty. Theo quy định tại Điều 57, 64 Luật doanh nghiệp và Điều 14, 17 Điều lệ Công ty, bà T là người đại diện theo pháp luật, cũng là người trực tiếp điều hành và quyết định mọi hoạt động hàng ngày của Công ty; ký kết các hợp đồng; báo cáo quyết toán tài chính hàng năm; khi không thanh toán được các khoản nợ đến hạn, báo cáo cho các thành viên Công ty và chủ nợ biết. Do đó, việc trình bày của bà T về số tiền nợ giữa bà L và Công ty được thực hiện từ tháng 01-2016, nhưng không cung cấp được chứng cứ về báo cáo quyết toán khoản nợ giữa

Công ty và chủ nợ hàng năm, trong đó có chủ nợ là bà L để chứng minh, trong khi bà T thừa nhận ký các giấy nợ vay của bà L.

[6] Tại “Giấy mượn tiền” ngày 20-8-2019 số tiền vay 34.200.000.000 đồng bà T cho rằng là tiền Công ty vay, tiền lãi, tiền mua vỏ xe của con bà L..., Công ty không vay số tiền mặt trên, nhưng giấy mượn tiền thể hiện Công ty vay để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh; cùng trong “Giấy mượn tiền” bà T lại thừa nhận Công ty có vay của bà L số tiền 1.000.000.000 đồng để nộp thuế; các khoản tiền bà L ứng trước cho Công ty để mua xác mìn, bà T không thừa nhận, trong khi chính bà T ký xác nhận có ứng tiền mua xác mìn của bà L trong cùng “Giấy mượn tiền” ngày 20-8-2019, điều này phù hợp với lời trình bày của người đại diện cho nguyên đơn chỉ khi bà L giao tiền mới được nhận hàng (bã mìn), nếu đã giao tiền nhưng Công ty không giao được hàng (bã mìn) thì phải ký xác nhận nợ với bà L. Công ty kháng cáo cho rằng không còn nợ số tiền như bà L khởi kiện, nhưng không cung cấp chứng cứ để chứng minh, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công Ty.

[7] Khi cho vay số tiền 43.373.905.762 đồng giữa bà L và bà T có thỏa thuận lãi suất, nhưng không xác định thời gian trả nợ; giữa các đương sự tranh chấp nhau về mức lãi suất cho vay, căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để giải quyết về yêu cầu lãi suất; thời gian tính tiền lãi kể từ ngày 04-10-2019 là ngày bà L khởi kiện, cụ thể tiền lãi được tính: $43.373.905.762 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 07 \text{ tháng} = 2.628.024.900 \text{ đồng}$.

Buộc Công ty có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền nợ 43.373.905.762 đồng và tiền lãi 2.628.024.900 đồng, tổng cộng 46.001.930.662 đồng (bốn mươi sáu tỷ, không trăm lẻ một triệu, chín trăm ba mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi hai đồng).

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

[9] Về án phí: Công ty phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 357, 430, 440, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự; Điều 47, 57, 64 Luật doanh nghiệp; Điều 147, 148 và Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26, 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị T là người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn tinh bột sắn D; sửa Bản án sơ thẩm số: 08/2020/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2020, của Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Trương Thị L đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn tinh bột sắn D về “Tranh chấp hợp đồng mua bán và hợp đồng vay tài sản”.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn tinh bột sắn D trả cho bà Trương Thị L số tiền nợ 43.373.905.762 đồng và tiền lãi 2.628.024.900 đồng, tổng cộng 46.001.930.662 đồng (bốn mươi sáu tỷ, không trăm lẻ một triệu, chín trăm ba mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất *quy định tại khoản 2 Điều 468* Bộ luật dân sự.

3. Đình chỉ phần rút lại yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị L đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn tinh bột sắn D số tiền 2.760.000.000 đồng (hai tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu đồng). Bà L được quyền khởi kiện lại phần yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn tinh bột sắn D phải chịu 154.001.900 đồng (một trăm năm mươi bốn triệu, một nghìn chín trăm đồng).

Bà Trương Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà L 77.567.000 đồng (bảy mươi bảy triệu, năm trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số: 0003779 ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn tinh bột sắn D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu số: 0004629 ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND H. Dương Minh Châu;
- CCTHADS H. Dương Minh Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Vũ